

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/05/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**
Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp AH, xã AB, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

(Chị **Nguyễn Thị Ngọc M** có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Kỳ N**, sinh năm 1999

HKTT: ấp TL, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh **Huỳnh Kỳ N** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/03/2023, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn **Chị Nguyễn Thị Ngọc M** trình bày:*

Vào năm 2018, qua thời gian quen biết tự nguyện yêu thương nhau thì Chị **Nguyễn Thị Ngọc M** và Anh **Huỳnh Kỳ N** tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, Kiên Giang ngày 29/07/2020.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020; về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung, về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống Chị M và Anh N bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau mặc dù đã chủ động hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên Chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với Anh Huỳnh Kỳ N;
- Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020 cho Anh Huỳnh Kỳ N chăm sóc, nuôi dưỡng và Chị M không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn Anh Huỳnh Kỳ N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh Trưởng Ban lãnh đạo ấp TL, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 30/03/2023: Đương sự Anh Huỳnh Kỳ N, sinh năm 1999 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp TL, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện nay Anh N không có mặt tại địa phương vào thời điểm Tòa án đến tổng đạt văn bản tố tụng, tuy nhiên Anh Huỳnh Kỳ N vẫn có tới lui tại địa phương (ấp Thạnh Lợi, Mong Thọ A) để thăm cha mẹ.

Biên bản ngày 30/03/2023 cha ruột của Anh Huỳnh Kỳ N là ông Huỳnh Văn Sử trình bày:

Ông Huỳnh Văn Sử là cha ruột của Anh Huỳnh Kỳ N. Con ông là Huỳnh Kỳ Ngộ cưới vợ là Nguyễn Thị Ngọc M vào năm 2018. Có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thì Ngọc My và Kỳ Ngộ có 01 người con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng My-Ngộ thì ông không biết chỉ nghe nói là trong cuộc sống thì hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm và hai đứa ly thân từ khoảng tháng 02/2022 đến nay.

Nay My khởi kiện xin ly hôn thì con trai ông là Huỳnh Kỳ Ngộ có biết việc này nhưng do điều kiện đi làm thường xuyên không có thời gian đến tham gia các phiên

hòa giải xét xử tại Tòa án, do đó con tôi xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án và có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị Ngọc My;

- *Về con chung*: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020 và không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con trai ông là Huỳnh Kỳ Ngộ cũng thường xuyên về thăm vợ chồng ông và cháu Ngọc Hân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, của người tham gia tố tụng là thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ngọc M, cho Chị Nguyễn Thị Ngọc M ly hôn với Anh Huỳnh Kỳ N theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Kể từ sau khi ly thân đến nay, cháu Hân sống cùng Anh N được một thời gian dài, mặt khác Anh N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu Chị M cấp dưỡng, còn Chị M không có yêu cầu nuôi con. Do đó xét về quyền lợi mọi mặt của cháu Hân nên cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020 cho Anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Anh N tự nguyện không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Kỳ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M xác định trong quá trình chung sống với Anh Huỳnh Kỳ N thì vợ chồng chị không có tài sản chung và cam kết là không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Huỳnh Kỳ N, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn Anh Huỳnh Kỳ N có địa chỉ cư trú tại Tổ 8, ấp TL, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn Anh Huỳnh Kỳ N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và Anh Huỳnh Kỳ N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/07/2020 và được Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của Chị Nguyễn Thị Ngọc M và Anh Huỳnh Kỳ N là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với Anh Huỳnh Kỳ N: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì Chị Nguyễn Thị Ngọc M xác nhận sau khi cưới vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do bất đồng ý kiến với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên Chị M và Anh N hàn gắn đoàn tụ nhưng Anh N vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Anh N có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm Anh N vẫn vắng mặt, chứng tỏ Anh N không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với Chị M, đồng thời tại phiên tòa Chị M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Anh N. Hội đồng xét xử thấy rằng mối quan hệ của vợ chồng Chị M Anh N đã rạn nứt từ lâu; không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và Chị M không còn tự nguyện chung sống vợ chồng với Anh N nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị M về việc xin ly hôn với Anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị M xác nhận trong thời gian chung sống chị và Anh N có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020 hiện cháu đang sống cùng Anh N, Chị M tự nguyện đồng ý giao con

chung cho Anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi ly thân đến nay Anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hân, Anh N cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu Chị M cấp dưỡng. Xét về quyền lợi mọi mặt của cháu Hân nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hân cho Anh N chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu là phù hợp với quy định tại các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nguyễn Thị Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: do Anh Huỳnh Kỳ N không yêu cầu Chị Nguyễn Thị Ngọc M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị M xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc M về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với Anh Huỳnh Kỳ N.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc M là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh Huỳnh Kỳ N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với Anh Huỳnh Kỳ N.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với Anh Huỳnh Kỳ N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị M đồng ý giao con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 18/11/2020 cho Anh Huỳnh Kỳ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Anh N tự nguyện không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M xác nhận là không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005466 ngày 15/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Chị M không phải nộp thêm (đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh Huỳnh Kỳ N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, KG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh